

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 59/2019/TLST/HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn Cát X, xã Cát T, huyện Như X, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994

Trú tại: Thôn Phú P, xã Phú N, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, 213, khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 27 tháng 6 năm 2019**.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành **ngày 27 tháng 6 năm 2019** là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh V, sinh ngày 02/7/2016. Ly hôn chị T, anh T thống nhất thỏa thuận giao cháu Khánh V cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh T không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản và công nợ chung:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn T thống nhất: Chị T phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0000098 ngày 07/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh. Chị T được nhận lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ T
THẨM PHÁN**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như T;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Cơ quan THADS huyện Như T;
- UBND xã Phú N, huyện Như T;
- Lưu hồ sơ.

Lê Văn Quân